

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ THIẾT BỊ AN BÌNH MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ THIẾT BỊ AN BÌNH MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN BÌNH MINH MATERIAL AND EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AN BÌNH MINH MATERIAL AND EQUIPMENT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109446956

3. Ngày thành lập: 09/12/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

389 Trương Định, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962137686

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
2.	Xay sát và sản xuất bột thô	1061
3.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
4.	Sản xuất đường	1072
5.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
6.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
7.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
8.	Sản xuất chè	1076
9.	Sản xuất cà phê	1077
10.	Sản xuất sợi	1311
11.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
12.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
13.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
14.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
15.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
16.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
17.	Sản xuất giày, dép	1520
18.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
19.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
20.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
21.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
22.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709

23.	In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1811
24.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
25.	Sản xuất than cốc	1910
26.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
27.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
28.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
29.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
30.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
32.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
33.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
34.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
35.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
36.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
37.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
38.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
39.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
40.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
41.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
42.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
43.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
44.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
45.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
46.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
47.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa bảo trì bảo dưỡng các thiết bị phòng thí nghiệm, thiết bị dụng cụ y khoa;	3312
48.	Xây dựng nhà để ở	4101
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
51.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
52.	Bán buôn thực phẩm	4632
53.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

54.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Doanh nghiệp kinh doanh dược phẩm; - Buôn bán thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, hóa chất trong lĩnh vực y tế;	4649(Chính)
55.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
56.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, linh kiện điện tử, tin học và thiết bị văn phòng;	4659
59.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
61.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
62.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: - Bán buôn tư liệu tiêu dùng; - Bán buôn tư liệu sản xuất;	4690
63.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
64.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
65.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
66.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
68.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
69.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng;	4932
70.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô theo hợp đồng;	4933
71.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
72.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
73.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
75.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
76.	Cho thuê xe có động cơ	7710
77.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
78.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
79.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
80.	Đại lý du lịch	7911
81.	Điều hành tua du lịch	7912

82.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
83.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
84.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
85.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
86.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
87.	Trồng cây điều	0123
88.	Trồng cây hồ tiêu	0124
89.	Trồng cây cao su	0125
90.	Trồng cây cà phê	0126
91.	Trồng cây chè	0127
92.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
93.	Khai thác gỗ	0220
94.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
95.	Khai thác và thu gom than non	0520
96.	Khai thác quặng sắt	0710
97.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
98.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
100.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết : Dịch vụ môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản	6820

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 22/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036184001974

Ngày cấp: 23/02/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 3, Cụm 5, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 3, Cụm 5, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội